

VĂN-HỌC

RA NGÀY THỨ BẢY

■ Giá báo : 1 năm : 2\$ — nửa năm : 1\$ ■ Tòa báo : 193, phố hàng Bông, Hanoi ■

CÁI QUAN - NIỆM VỀ ĐỜI NGƯỜI

(Tiếp theo số 57 và 58)

Xem kỳ này

Luận thuyết

Cái quan-niệm về đời người III

DƯƠNG BÁ TRẠC

Dư luận

Nếu muốn sống được khỏe mạnh, không nên coi thường vấn đề nước uống.

T. T.

Dịch pháp văn

Người thật yêu nước
(Le vrai patriote)

HOA-BẮNG

Hoa thơm trong vườn văn

TUYÊN THANH

Nhân đàm

Bộ máy trí thức ở xã-hội ta

TÀI-PHÚNG

Tạp trở

Khắp thế giới đều có nạn trí-thức thất nghiệp

N. K. P.

Thi thạc

TRÚC-KHÊ

Tín tức

Văn thơ v., v...

Thế sự tiểu thuyết

Vi tiền . . .

LA GIỎI

Hai cái lý-thuyết thiên lệch kể trên: người theo về cái lý thuyết yếm thế thì ở đời thật không còn có chút gì quan hệ với đời mà không còn có được chút gì lợi ích cho đời đã đành, chỉ có được cái thái nhiên tự đắc rằng mình thanh nhàn tuyệt đích, vui sướng tuyệt đích hơn người thường. Người theo về cái lý-thuyết nhiệm thế thì ở đời thật phải chịu không biết bao nhiêu sự nhọc nhằn, bao nhiêu điều phiền-não đã đành, chỉ có được cái ngang nhiều tự phụ rằng mình lập được công nghiệp với nhân-quần, giúp được lợi ích cho xã hội hơn người thường. Nhưng xét kỹ lại thì cũng có hẳn là thế đâu.

Này như ba gian nhà cỏ, một lá thuyền câu, thung-thắng với hoa nội chum rưng, đung-đỉnh với trăng trong gió mát, việc đời hay dở mặc không biết, cõi đời tri loạn mặc không nghe, bảo là thanh nhàn vẫn thanh nhàn thật, bảo là vui sướng vẫn vui sướng thật. Song, cái thân nhục thể là cái túi để đựng cái tinh-thần cao-thượng siêu-việt của mình kia còn một ngày nào sống ở đời, ở với người đời mà nếu xung-quanh mình toàn-thị là hùm beo rắn rết, gai góc than tro thì dầu vui sướng thanh nhàn cũng là vui sướng thanh nhàn gương. Cái tinh-thần của mình đã hay rằng tránh khỏi được bụi trần, thanh-thời ở trên mây ngoài gió, mà có cái mắt không lẽ lại không trông, có cái tai không lẽ lại không nghe, trông cảnh đời chỉ những xấu-xa nhớp nhúa, nghe chuyện đời chỉ những gào khóc thở than thì làm sao cho khỏi điếng tai ghê mắt; có cái tay không lẽ lại không cựa, có cái chân không lẽ lại không đi, cựa đau cũng đụng phải những đất góc trời gai, đi đau cũng gặp phải những non thây sống máu thì làm sao cho khỏi

chạm căng trùng tay ; có cảm tình không lẽ lại không có mừng, có thương, có giận, có yêu, có ghét, có vui, có muốn, những sự đời xúc-động đến cảm-tình mình chỉ tình những cái làm cho mình phải giận, phải thương, phải ghét cả, những cái mình không muốn cả, chứ ít có cái gì mình muốn, cái gì làm cho mình đáng mừng, đáng yêu, đáng vui thì làm sao cho khỏi thồn-thức can trường, bấn khoăn tắc-gia. Cứ xem những bậc tín-đồ thượng-đẳng về cái lý-thuyết yếm thế xưa nay như ông Hứa-Do phải lủi tai về cái chuyện nhường ngôi, ông Bàng-Manh phải bưng mắt với cái nạn cướp nước, ông thì phải vui mình ở trong nhà đất, ông thì phải lẩn dấu ở giữa hang sâu, ông thì phải tránh loạn lặn lội đến tận nguồn đào, ông thì phải trốn người len-lỏi ở vùng man mợi, thậm đến nỗi như đại, như điên, như si, như ngốc, theo khói lửa mà nhảy vào miệng núi, đuổi bóng trắng mà chìm xuống đáy sông ; như vậy thì trông lòng chan-chứa biết bao nhiêu nỗi lao tao ức-uất, phần muợn bất bình, tưởng chẳng có cái gì là thanh nhàn, là vui sướng nữa.

Này như thanh gươm dong duỗi, yên ngựa tung hoành, bụng chứa lược thao, tài gồm văn võ, mang cái bảo-phụ an dân tế thế, đỡ cái kinh-luân trị nước, giúp đời, dẹp bắc đánh đông ra tướng vào tướng, liếc con người mà non sông biến sắc, hét một tiếng mà cây cỏ kinh hồn, oai đức khắp muôn phương, họ tên truyền sử sách bảo rằng lập được công-nghiệp với nhân-quần, vẫn có lập được công nghiệp với nhân-quần thật, bảo rằng giúp được lợi ích cho xã hội, vẫn có giúp được lợi ích cho xã hội thật. Song cái lợi ích chân-chính đối với xã-hội là phải làm thế nào cho xã-hội được nhân khang vật thịnh, bề lạng sông trong. Cái công-nghiệp chân-chính đối với nhân-quần tức là cái công nghiệp cứu vớt cho kẻ đồng loại mình ai nấy đều được no ấm phủ-phê, bình yên vui vẻ. Những người đã quá mê về cái lý thuyết nhiệm thế, trong tâm não chỉ dăm dăm đấu đấu lo tạo nên cái công danh bất hủ, quắc lấy cái lợi quyền độc chiếm về phần mình có lắm khi chẳng còn nghĩ gì đến cái lợi ích chân chính của kẻ đồng loại mình mà đang tay hi-sinh hết cái hạnh phúc no ấm bình yên của hàng ức hàng triệu người cũng chẳng kể ; suốt đời chỉ chăm chú có một cái mục đích danh với lợi, cái lương-tâm cổ lồi không bao giờ lọt được vào một chút không khi thuần khiết thanh cao, rồi cứ hễ danh đâu thì húc đầu, lợi đâu thì cầm cổ, dành nhau, dặt nhau, cắn nhau, cấu nhau, dùng hết nanh dài vuốt nhọn để tranh danh cướp lợi cùng nhau mà không biết chi đến cái danh cái lợi mình đang tranh cướp đó nó tổn hại cho người đời là thế nào nữa. Cứ xem những bậc tín-đồ thượng-đẳng về cái lý thuyết nhiệm thế như ông Tần thủy-Hoàng, ông Hán-võ-Đế, ông Đường-thái Tôn cùng binh đao vũ mảy chục năm trời ; ông Hốt-tất-Liệt, ông Á lịch sơn-Đại, ông Nã-phá-Luân đánh nước lấy thành mấy mươi trăm trận ; họ làm hao hại biết bao nhiêu là nhân-mạng, bao nhiêu là tài sản của đời mà mua lấy cái công-danh hão không đâu, chết rồi hết truyện. Cái trường thành muôn dặm ở Trung hoa, cái tháp kim-tử ở Ai cập, giết hết mấy ức người, tiêu hết mấy đụn của, rút lại thì thỏa được cái dục-tâm một lúc của mấy chú kiêu-hùng ; như vậy thì cái lợi ích chân-chính cho xã hội ở đâu, cái công-nghiệp chân-chính đối với nhân-quần có gì !

(Còn nữa)

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Như đã nói trong số trước, phụ trương hằng tháng của Văn - Học Tạp - Chí. Chuyên nói về « Thế giới ngữ Esperanto » chỉ để biếu các độc-giả mua năm V. H. T. C. mà đã giả đủ tiền rồi. Vậy các ngài ai chưa giả tiền xin kíp gửi tiền về trả ngay cho.

V. H. T. C.

VĂN TRÀO PHÚNG

THÌ NGỰA NÓ CŨNG «AU HÓA» MÀ!

Báo bên nước Anh kể chuyện có một con ngựa lạ kỳ. nó không ăn ngô thóc lá tre như các con ngựa khác mà cứ sán tới chực ăn sữa với bánh mỳ, lại thêm một tật là hề thấy đàn bà con gái đâu thì toong tèng theo sau dít người ta mà dơ mũi ra hít vào quần áo, mới lại càng lạ nữa!

— Ô! Nó cũng «Au hóa» đấy chứ có lạ gì.

— Chao ôi! Au hóa gì mà lại Au hóa ăn? Au hóa gì mà lại Au hóa theo gái?

Đã hay rằng: người Âu - châu thường ăn bánh mỳ và sữa, lại có cái thói quen hay đi đôi với đàn bà; nhưng ngoài cái cách sinh-hoạt về vật-chất ấy ra, cái thứ người mà gọi là người nước tiên tiến, người dân văn-minh kia còn biết bao nhiêu cái hay, cái tốt về tinh-thần nữa. Nay thử hỏi những cái hay, cái tốt của người Âu-châu như những triết học thâm thúy, những khoa học tinh-vi, “chú ngựa” kia có nghiên cứu được tí gì không? Những máy móc tài tình, những kỹ nghệ khéo - léo, “chú ngựa” kia có chế tạo được tí gì không? Những tinh-thần đoàn-thê những phương pháp tổ-chức, “chú ngựa” kia có hấp thụ được tí gì không? Không ngờ cả mà! Chỉ nội một cái ăn bánh mỳ và sữa với cái chạy theo đuổi đàn bà mà nêu cũng có thể gọi là «Au hóa» được thì cái giá trị «Au hóa» chẳng là đề hèn nhớp-nhua lắm du? Cái đầu óc vẫn là đầu óc ngựa, cái gan ruột vẫn là gan ruột ngựa, cái tài cán chỉ có một việc giờ lưng cho người cưỡi, cái

sự nghiệp chỉ có một cách chạy giỏi cho người thương, ngoài kiểu liên tể đại không có cái sở-trường gì hơn, ngoài cắn nhau đá nhau không có cái gì khí-khái khác thì tưởng dù ăn ngô thóc lá tre hay ăn bánh mỳ và sữa cũng vậy, dù hít quần áo đàn bà hay hí hí với cái cũng vậy, chẳng qua cũng là chuyện ẩm-thực nam nữ cả mà thôi, cái «anh chàng bốn cẳng» ấy quyết không mạo nhận cái tên “Au hóa” được.

— Ờ! Thế không thấy các cô các cậu tân nhân vật nhà mình đấy sao? Đi đến đâu cũng thấy có vẻ Au hóa. Ngồi với ai cũng nghe nói chuyện Au hóa. Nô-nức nhau, đua đòi nhau chỉ những Au hóa là Au hóa. Họ thấy ai bận đồ quốc-phục thì như tôm con mắt, nghe ai nói tiếng mẹ đẻ thì muốn bịt lỗ tai, thậm chí cha mẹ có nhai miếng dầu cũng nhiech là bẩn, người già cả nói đến việc lang việc họ cũng đều là ngu, qua cửa chùa cửa miếu mà bấu môi chề là lẽ bái quang - xiên, gặp đám giỗ đám tang mà quác miệng chề là lẽ nghi giả dối, thời thì cớm tây, rượu tây, râu tây, tóc tây, cười nói giọng tây, đi đứng cách tây, không một li một tí gì không chuốc cho được «dùng một» Au hóa mới nghe, Au hóa cho đến nỗi nuôi con mèo con chó cũng đặt cho được cái tên tây mà gọi, Au hóa cho đến nỗi sấm

Các ông giáo bà giáo nhớ mua cho được quyền:

120 BÀI HỌC THUỘC LÒNG

của ông giáo TRẦN LẬP TRÁC mới in xong

Rất tốt, ông NGUYỄN VĂN NGỌC. đốc học Hà Đông đã công nhận là quyển sách rất hợp với phương pháp giáo-dục, Giá 0\$25 — Cước 0\$06

Bán ở Đông-Tây ấn-quán, Hanoi

cái giường, cái ghế, cái đĩa cái chén cũng lựa cho được kiểu tây mà dùng. Chỉ còn tức có cái mũi sẹp không làm sao «hóa» được ra lỗ, cái mắt đen không làm sao «hóa» được ra xanh, cái da vàng không làm sao «hóa» được ra trắng, giá có những tay bác-sĩ chuyên môn sửa đổi hình thể người ở bên Mỹ qua đây thì họ cũng cố làm cho «hóa» nốt cả mới đành mới khoái.

Ấy họ «Au hóa» một cách hăm hở sốt sắng như thế mà nào cái óc tự tư ích kỷ của họ có thấy “hóa” ra cái óc thương nòi yêu nước của người ta đâu, cái bụng nhỏ nhen ô-tiền của họ có thấy «hóa» ra cái bụng cao-thượng thuần-khiết của người ta đâu, cái tính nhút-nhát lười lỉnh của họ có thấy “hóa” ra cái tính cương quyết cầu mẫn của người ta đâu, cái thói hư nguy, cầu - thả phù-thảo, thiên bạc của họ có thấy “hóa” ra cái thói thanh thực, tinh tế, chuyên nhất, kiên nhẫn của người ta đâu, cái lòng tương khi, tương biếu, tương tan, tương hại của họ có thấy “hóa” ra cái lòng tương thân, tương ái, tương cứu, tương trợ của người ta đâu: quanh đi quẩn lại, có đốt đuốc mà tìm cho thấy “Au hóa” ở trong cái tân xã-hội này, cũng chỉ có được mấy cái bàn bi-da, mấy cái tiệm bán đồ mốt, mấy cái nhà nhậu, mấy cái rạp chớp bóng, mấy vở kịch cải lương... cùng đây đặc những cái ô vi-trùng hoa liễu trên nòi lụi giống, rút lại ngoài cái ăn với cái theo gái cũng chưa thấy cái gì là cái “Au hóa” chính tông cả. Minh vậy mà gọi là “Au hóa” được thì cũng chẳng lạ gì cái con ngựa “Au hóa” kia vậy.

Ôi! Au hóa!

T. H.

VAN THO

BUỒN KHÔNG TRI KỶ

Tri-kỷ xưa nay dễ mấy người !
Mà người tri-kỷ biết là ai ?
Năm canh tâm sự bàng khuâng những...!
Bốn bề tri âm vắng vẻ hoài !
Thiên cổ ấy ai ! nhời nguyện ước,
Đồng tâm đầu kẻ ! hạn hôm mai.
Giăng chiều hoa sớm xui lòng khách,
Trận gió hương đưa thoảng mái ngoài.

THẤY GIĂNG VỀ MÙA ĐÔNG CẢM VINH

Đêm qua vắng-vặc bóng giăng đông.
Ngán nỗi cho giăng cũng lạnh lòng !
Mặt ngọc pha sương, khuôn mặt trắng.
Lông son điểm tuyết, tấm lòng trong.
Thu về để khách duyên bờ hững,
Đông đến cho người dạ nhớ mong !
Ở chốn cung-thiền ai có biết ?
Giữa trần mấy kẻ ! bạn tình chung

Ngọc-Hồ

BÀI PHÚ HÁT BỘI

(Lấy văn bội)

Độ 15 năm về trước, ông giáo Trần-Nguyên, ở làng Linh-Chiều phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình-định, tổ chức cuộc hát bội, để mừng sắc cửu phẩm, nhưng kỳ thực là để thu mỗi lợi. Ông Lê đình-Giang, cử-nhân, dân-biểu, người đồng làng và bạn thân với ông Nguyễn, biết sự hát bội là lãng phí, mà không lợi lộc gì, cố khuyên đừng hát. Ông Nguyễn không nghe, quả nhiên sau cuộc hát ấy lỗ mất 80\$

Ông Giang (nay vẫn còn sống) bực mình làm ra bài phú này để ám trách ông Nguyễn. Bài này lấy chữ bội làm vận thì thật là khó, mà khen tài ông Giang khéo tìm những tiếng tục để đối với nhau. Vậy cũng cho là ông văn vừa vui vừa hay vừa bỏ ỉch. Duy có câu : « Thời vậy hát chơi một chuyến » mà đối : « Cho hay giàu cũng gặp châu » chữ « chuyến » đối với chữ « châu » là ép vận không chỉnh, xin nhường đọc giả chỉnh lại cho.

BÀI PHÚ

Phương kỳ, trống chũ ba hồi, ngồi chung một túi.
Chú nhưng chú bầu ; thẳng xoài thẳng ổi ;
Kia lão thuốc chưa hút kịp, hủ miệng, ngáp dài.
Nọ thẳng rượu chưa uống vào, mỗi lưng nằm xuôi.
Lơ thơ ngoài rạp, tối nhiên bất sĩ chi trừ.
Ngóc ngách trong buồng, tổng thị vô danh chi bối.
Cặp kỳ, chấp cổ gióng lên, ca diên dạ ỏi.
Mới sửa giáo-tường, mới chung đèn rọi.
Đưa vẽ đen sì ; đưa bôi đỏ lỏi.
Áo mặc cân chùng, hia mang mũ đội.
Vai ông Sô để làm tin ; dận thầy tuồng chi nhắc đời.
Trống xỏ thùng thùng, quân reo hươi hươi.
Nãi ra rạp chi xưng danh ; dựa hòm chì nói lỏi.
Cũng gươm cũng cờ, cũng quân cũng đội.
Cũng bạc kẻ sang, cũng hàng người trôi.
La hát tung bùng, múa men túi bụi.
Đưa thời nghề vở Phiên Lăng.
Đưa lại ưa vai Tần - Cối.
Xiêm giáp đủ nhi mùa đa đồ giả, thần võ biết chi,
Bút chỉ đem nhi viết chẳng nên hàng, trát văn
đọc đối.
Mới đó ra người dài các, nhi xấu hươu lột cũ
còn mang ;
Ngoài tuy rạng vẻ cân đai, nhi mốc thếch đồ trong
chưa cỏi.
Đâm chém dảo bành chi tướng diều, khá khả kha
nhi đánh bắc chẳng nhằm ;
Lối lang dai nhách chi quan già, ừ ừ, nhi cất nam
không nổi.
Nào lúc rạng gân kéo cổ, chỉ tham vài dót chi
khen hay.
Dầu khi hãnh dái giơ khu, bắt sợ mấy châu chi
bắt lỏi.
Ký nhi, theo lớp vào ra, mượn màu thay đổi.
Đưa diều bông lon, đưa làm củ trời
Đưa mặt như ông Bùa, đưa bộ như thẳng Cuội.
Đưa ngăm tam láp chi bài thơ,
Đưa đọc bá xàm chi câu đối.
Bữa trước thẳng khiêng hòm gỗ, râu kẻ tua hèo.
Ngày tẻ thẳng gánh mẽ đèn, mũ chùng trái búa;
Cối lột tướng hóa chú hề chú ất, hát kéo giây nhi
trông kiếm bạc đồng ;
Đổi cách quan làm quân hiệu quân canh, nói xỏ lá
nhi trông ban thẻ hội.
Hoặc dận hữu gõ châu chi hỏi, sợ đã rớt râu.
Nhi thời lai chúc phước chi mừng, lạy không
mỏi gối.
Vẫn biết mấy thẳng ra bộ, đã ăn cơm góp các nơi.

Cho hay mấy mặt có vắn, cũng học tiền tham
mặt túi.

Nhi hà ai nấy cũng coi, mê chi quá đổi!

Tự trẻ chi già, từ ngày chi tối.

Đôi bạn rủ ren; sáp dần tấm gọi.

Trai gái nhớn nhơ; tuổi dào lặn lội.

Thằng tẻ chi bị lẩn ngã nhào.

Con nọ chi bị xô té chúi,

Hoặc thích những lảng môi thắm má, thấy điệu
đàn nhi nhớn gái ngồi trên:

Hoặc ưa vì cao trán đánh mây, thấy bạn
kép nhi bỏ chổng theo vọi.

Tréo khăn lược dây hàng dĩ cộng đứng, đồ vi
nam khách chi nghe mê;

Xử áo sa khâu lãnh dĩ chen ngồi, bất giác đông
người chi đi... thúi.

Kia lão đôi đồng róc rách, gọi rằng hay nhi bứt
túi lia ào.

Nọ ông ba chén xinh xoàng, cho rằng thích nhi
đồ khay thưởng nhui.

Thương ít nó kêu, thương nhiều chủ nói, dặng
cao đầu thiên dĩ... vu cầm châu;

Coi qua cũng rứa, coi nữa mà chi, đồ mỗi dít,
đau lưng vu hát bội

Quan thử tặc, bỏ ăn bỏ ngủ, đưa coi ngoài rạp
đà mê;

Nhi lo hết lo còn, ông chủ trong nhà cũng đuối.
Ký vay bạc nhi nhi năng.

Hưu thừa đơn nhi luôn cúi.

Đã viết thiệp mời, lại lo kiến xồi.

Ngày đã tới nơi; khách đà đi ối.

Tiếp rước nhiều lần; đãi ăn mấy dọi.

Bảy đáp lẩn xẩn; tam sai tối hối.

Rượu tràn chén nhi rót luôn.

Thịt đầy mâm nhi bùng rội.

Kẻ hối lòng xây, người kêu cổ rối.

Nhi tái nhi nem, nhi xào nhi lui.

Kẻ hừ miếng dai, người chê xáo nguội.

Kẻ rằng ông dãi huây huây.

Người nói ông làm truội truội.

Gấm lại bình-an hai chữ, tôn vương chi rống
cọp hà linh??

Bảy ra khoản dãi đòi ngày, khoan tẻ chi trâu
heo hà tội?

Thử coi, lo trả mấy người.

Cho biết nợ xong mấy mối.

Đừng gọi quen nhiều.

Đừng làm họ thối.

Thôi đừng nói tạ ơn thần thánh, việc nợ việc kia;

Thôi đừng rằng trả lễ ông bà, bên ngoai bên nội.

Chẳng thà đành chịu nợ đề cưa rơm.

Muốn vậy phải nhắm nhà cho có bối.

Đừng nghe những mấy lời giúp miệng nhi hiệu
hồ, mượn đầu nấu cháo chi vi;

Soi ra tính lỗ nhẩn rằng,

An năng miễn, tan lưới tổn than chi hối.

Thôi vậy hát chơi một chuyến, sau đừng kiếm
chuyện lẩn nhẩn;

Cho bay giàu cũng gặp châu, cứ giữ làm ăn
cụi cụi.

Lời này xin ngỏ với tâm giao;

Sự ấy đừng nghe chi lý muội.

PH. H. Đ. (Bồng Sơn)

sao lục

MỘT QUYỀN SÁCH
BẮT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ



GIA LỄ
GIẢN
YÊU

Cử-nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn. Có cả các bài văn
khẩn và khoản thức biên
gia phả. Lại có in sẵn
nhiều trang để người nào
có quyền này chỉ việc
diễn gia phả của nhà
mình vào. dày gần 60
trang, giá 0\$15; cước 0\$03

Gửi bằng tem (cò) cũng được, nhớ thêm tiền cước
cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông - Hanoi

Ai chưa biết Cờ? Muốn học
Ai đã biết Cờ? Muốn cao.
Nên coi sách

Dạy đánh cờ

của M. ĐỖ-TRĂNG SẴN

Dạy đủ cách:

Ra quân cho được thạo
dàn quân cho khỏi bí.
Đi lẩn nước rất bí hiểm, khép
vào nhiều rận hay vô cùng
Giá bán 0\$15 - Cước 0\$06
Đông-Tây Ấn-quán 193, hàng Bông
HANOI

Ai học nghề?
Hãy xem quyền

NÔNG LÂM HÓA

HOC KỸ NGHỆ

Cuốn này trước
bán 0\$35 nay bán
cò 0\$10

gửi bằng tem (cò)
cũng được cho
Đông-Tây.
193 hàng Bông
Hanoi
nhớ thêm
0\$06 cước)

NHÀN ĐÀM**BỘ MÁY TRÍ THỨC Ở XÃ - HỘI TA**

Ông Emile Faguet ngồi tưởng-tượng cái bộ máy trí-thức của Âu-châu vào khoảng năm 1950 mà quyết nói bao được những câu sau này :

« Một số phần ít những kẻ trí thức với số rất nhiều công chúng tất sẽ phân li nhau hẳn. Trên thời có dăm ba quyển sách rất có tư-tưởng, rất có văn-chương, mà rất ít người mua chỉ để riêng cho một hạng văn-hào cùng bác-học xem, công-chúng không biết đến, mà cũng không từng chịu một tí ảnh hưởng nào trong đó cả, vì cái hạng trung-gian làm môi giới đã mất đi rồi ; rồi tận dưới xa thời có tờ báo của bình-dân, nghị-luận kịch-liệt về chính trị và thứ nhất là sinh công kích nhau, bới lông tìm vết nhau, báo để làm cơ quan cho một đảng lớn, hoặc thường khi chỉ làm cơ quan cho cái lòng đổ-tật của công chúng, báo để phản đối cái gì (le journal anti-quelque chose) hay báo để xem chơi, để truyền tin vặt ».

Đó, muốn biết lời nói của ông Emile Faguet có đúng không, ta phải chờ đến năm 1950 mới biết. Nhưng ở xã hội ta ngày nay, cái bộ máy trí-thức quả hết như thế. Một loại sách như Nho-giáo của ông Trần-trọng-Kim, ế chầy ra, mà những tiểu-thuyết ngôn-tình, trình thám quàng xiên thì in ra bao nhiêu cũng hết. Các báo thì cái nọ công kích cái kia một cách vô lý, nó xấu nhau chẳng khác chi những quân đầu đường xó chợ. Hình như xã-hội Việt-Nam ngày nay là cái xã-hội những người Âu-tây năm 1950 sắp tới. Nếu vậy thì dân ta chẳng là tiến hơn họ mà đi trước họ những ngót 20 năm kia sao ?

— Phải, nhưng chỉ có tiến về đường dở thôi !
Đành vậy, nhưng cứ lạc quan ra mà nói thì những đọc-giả đã thấy ham đọc báo sách lắm rồi. Ngày kia họ biết chán cái nhảm mà theo cái hay thì tự nhiên bộ máy trí-thức phải đổi lại mà chạy tốt liền.

TÀI-PHÚNG



Tuần lễ vừa qua, bản-chí tiếp được 4 quyển sách mới :

- 1.) *La chanson grise* (toàn in những bài thơ viết bằng chữ Pháp) của ông Từ-bộ-Hứa. Sách in giấy tốt, dày 20 trang. Giá bán 0\$20.
- 2.) *Tiểu thuyết Tân tưng thư* (chuyên đăng các tiểu thuyết), mỗi số chừng 20 trang — số 1 bán 3 xu, số 2 bán 4 xu — Tưng thư ở số nhà 32 phố Jaccaréo Cholon.
- 3.) *Đùa với tình* (tập thứ ba về Thanh Niên thư tập của ông Nguyễn khoa Hòa chủ trương). Sách dày 18 trang, giá bán 4 xu — Thư tập ở số 77 phố Đông Ba Huế.
- 4.) *Đẹp* (mùa nực 1934) của Tự-Lực Văn Đoàn

xuất bản. Như tên gọi, quyển này in rất đẹp, chuyên đăng các kiểu áo tân thời của nhà họa sĩ Nguyễn-Cát-Tường vẽ, nào áo cánh, áo pyjama, áo mặc buổi chiều, áo mặc ban ngày, áo mặc ngoài bãi bể, áo mặc trong phòng ngủ v. v. Giá bán 0\$35.

và 3 tờ báo mới :

1.) *Trung tâm tuần báo*, — ra ngày thứ tư, chủ nhiệm : ông Vũ văn Hoàn, quản lý : ông Nguyễn-Mạnh Chắt, Tòa báo ở số nhà 97 phố hàng Bông Hanoi. Mỗi số 12 trang khổ V. H. T. C. Giá bán 3 xu.

2.) *Nhân loại* - Tuần báo ra ngày thứ bảy. Chủ nhân : ông Đặng trọng Duyệt — quản lý : ông Tô-Chân Nho — Tòa báo ở số nhà 14 phố Pottier Hanoi — Giá báo : 1 năm 2\$50 — nửa năm : 1\$30 mỗi số 5 xu.

3.) *La lutte* (tuần báo bằng Pháp văn ra ngày thứ năm) Mỗi số 4 trang khổ 50×32 : giá 6 xu. Tòa báo ở số nhà 99 phố Lagrandière Saigon

Bản-chí xin giới thiệu các sách, báo trên này cùng đọc giả *Văn Học* và có lời chúc ba bạn đồng nghiệp được trường thọ.

T H I I T H I O A I

Bà huyện Thanh-quan có bài thơ « Chiều hôm » ; bài thơ ấy không ai lạ gì, các báo các sách vẫn thường đăng lục. Nhưng theo ý tôi, bài ấy người ta đã sao lục sai nhầm vài chữ, chữ chưa thật đúng với nguyên tác. Thường thấy người ta sao lục rằng :

*Mặt giới xê xê buổi hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa, tiếng trống đồn.
Gác mái ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô - thôn.
Ngàn thông xào xạc chim bay mỗi,
Dậm liễu cheo leo khách bước dồn.
Nọ kẻ chương đài người lữ thứ,
Lấy ai mà dãi nổi hàn ôn.*

Theo ý tôi thì cuối câu thứ hai trong bài này, nó là chữ « đồn » chứ không phải là chữ « đồn ». Bởi vì câu thơ này chia làm hai dòng, dòng trên tả về tiếng ốc mà dòng dưới tả về tiếng trống ; dòng trên đã dùng chữ « xa đưa » để làm trạng từ cho tiếng ốc, thì dòng dưới phải dùng chữ « đồn » đồn nghĩa là mau, để làm trạng từ cho tiếng trống, thì nghe nó mới xuôi tai : chữ đem hạ chữ « đồn » là một danh từ, thì nghe nó ngang càn bừa quá.

Nói vậy tất có người bẻ : nếu thế thì trong một bài thơ lại có những hai vần « đồn » ư ? vì ở cuối câu thứ sáu cũng gieo chữ « đồn ». Không, cuối câu thứ sáu, theo ý tôi thì tất nó là chữ « tròn », dậm liễu cheo leo chân bước tròn mỗi, nó hợp nghĩa lắm chứ. « Bước đồn » nghĩa là bước vội, đã đành rằng đặt thế cũng được, nhưng sao bằng dùng chữ « tròn » mà nhường chữ « đồn » cho cuối câu thứ hai.

Tôi nói thế, nếu ai cứ cố giữ chữ « đồn » cho câu thứ sáu, lấy làm hay hơn, và bảo như thế chính là đúng với nguyên văn rồi, thì tôi xin phép bà Thanh Quan, cuối câu thứ hai, đem chữ « ồn » mà thay cho chữ « đồn », vì chữ « ồn » vào đó, nó còn thuận nghĩa hơn chữ « đồn » lắm chứ. Dẫu thế, vẫn không bằng đổi lại như đoạn trên đã nói, nghĩa là bài thơ ấy gieo 5 vần theo thứ tự như sau : hôn, đồn, thôn, tròn, ồn.

Nhân nhân, dờ xem tập thơ của cụ Nguyễn-ức-Trai (Nguyễn-Trãi) thấy có bài thơ « Mộ xuân tức sự », lấy làm thú lắm, có cái hứng trí cao mai, và vẽ ra cái cảnh cuối xuân ở chốn thôn quê như hết, nhân dịch ra như sau :

*Ngày nhân khép chặt cửa buồng
văn,
Khách tục không ai dám tới gần.
Tiếng cuốc gào xuân xuân sắp
hết,
Hoa xoan mới nở đượm mưa
nhuần.*

Hồi nọ có một vị thân sĩ, trừ cái tên thật ra không kể, lại còn có một cái tiểu-danh là « Sề ». Vị thân-sĩ ấy sự học văn thì kê cũng vào bậc khá, nhưng phải cái nết nát rượu, rượu vào thì chữ ra rông rông, nói khuếch nói khoác, coi không ai học giỏi bằng mình. Một hôm nhân ra chơi Hanoi, ngồi với các bạn cũ là những người cùng mình tập văn khi trước, sau khi rượu vào, cũng rở ngón khuếch khoác khoe mẽ, nói vất người ta đi mà nâng mình lên. Trong bọn ngồi đó, có một người lâu lĩnh thơ nôm, mà cũng là một tay ghê gớm, nhơn sắc, có làm một bài thơ bốn câu đề choảng nhà thân sĩ ấy một cách cay độc rằng :

*Tốt nài khen cho đặt gọi « Sề »,
Tuy rằng đắt rẻ chợ nhà quê.
Thịt chòng kinh sử ba câu quệt,
Bỏ rọ văn chương mấy chữ quê.*

Nguyên giống lợn nài, vẫn có tên gọi là lợn sề ; bài thơ này dùng những chữ : tốt nài, đắt rẻ, chợ nhà quê, thịt chòng, bỏ rọ, đều là những chữ dùng để bỉ ông kia là lợn. Thơ làm rồi họ đọc ngay ở trước tiệc, nhân thế thành một cuộc cãi nhau. Nhưng từ đó, ông thân-sĩ cũng bớt cái chứng khuếch khoác.

TRÚC KHÊ NGÔ-VĂN-TRIỂN

Các bà

Các cô

nhớ coi

QUYỀN

NAM QUỐC NỮ LƯU

星 女 星 星

CỦA ÔNG

SỞ - CUÔNG LE - DƯ

86 trang Giá 0\$12

Mua một quyền gửi bằng
timbres postes nhớ thêm 0\$06
tiền cước cũng được cho

ĐÔNG - TÂY ÁN - QUÁN

193, ph hàng Bông, 193

HANOI

DỊCH PHÁP VĂN

LE VRAI PATRIOTE

Il n'y a de bon patriote que l'homme qui comprend et qui aime tous ses devoirs et qui se fait une loi de les accomplir. Il ne se confond jamais avec l'adulateur des puissants, ni avec celui qui hait malignement toute autorité : être servile et irrévérencieux sont deux excès semblables.

S'il est dans les emplois du gouvernement, civils ou militaires, son but n'est pas sa propre richesse mais bien l'honneur et la prospérité du peuple. S'il est simple citoyen, c'est là encore son vœu le plus ardent, et il fait tout ce qu'il peut afin d'y contribuer.

Il sait qu'il y a des abus dans toutes les sociétés et il désire qu'on les réforme ; mais il a horreur de la fureur de celui qui voudrait les réformer par les rapines et les violences sanguinaires.

Il ne désire pas, il n'excite pas les discordes civiles ; au contraire, il est, autant qu'il le peut par son exemple et par ses discours, le modérateur des esprits exagérés et le conseiller de l'indulgence et de la paix. Il ne cesse d'être un agneau, qu'au moment où la patrie en danger a besoin d'être défendu ; alors il devient un lion : il combat, il triomphe ou il meurt.

D'après SILVIO PELLICO

LA LECTURE

Il y a bien des façons de lire pour notre instruction, notre consolation ou notre plaisir ; mais les plus savantes, comme les plus simples, ont le même principe : il s'agit toujours de sortir de notre destin. La petite apprentie qui se précipite sur un feuilleton et le vieil érudit qui se penche sur des in-folio goûtent, sans doute, des jouissances bien différentes : celle de la première est toute dans l'imagination, celle du second est presque toute dans l'intelligence ; cependant, ils éprouvent l'un et l'autre, le même plaisir : celui de planter là leur vie ordinaire, pour pénétrer dans un autre monde. Il n'est pas d'être qui ne sente, par moments, un brusque besoin de partir. Mais les voyages sont difficiles : il y

NGƯỜI THẬT YÊU NƯỚC

Người thật yêu nước là người hiểu và ham các bổn phận mình, và tự lập lệ làm tròn các bổn phận ấy. Họ không khi nào lẫn với kẻ đua nịnh những người quyền thế, cũng không khi nào lẫn với kẻ ghen ghét cách lâu lỉnh hết thấy quan quyền : nô lệ và bất-kính đều là hai cái tệ cực-đoang ống nhau.

Nếu họ là người tòng-sự của Chính phủ không cử văn hay võ, mục đích không phải làm giàu riêng mình, nhưng cốt làm cho quốc dân vẻ vang và thịnh vượng. Nếu họ chỉ là người dân thường, thì mục đích ấy cũng lại là nguyện-vọng hăng-hái hơn hết của họ, và họ làm hết những sự để có thể gom góp vào đấy.

Họ biết rằng trong xã-hội nào cũng có những tệ-đoan và mong người ta cải lương lại. Nhưng họ ghê sợ cuộc bạo-động của kẻ chực cải lương xã hội bằng cách bóc lột và đồ mán dữ dội.

Họ không muốn và không gây những cuộc nội tranh. Trái lại, cố sức lấy mình làm gương và lấy lời nói mà diễn giảng, họ là người điều hòa của những tư tưởng cực đoan, là viên cổ vắn của sự dung thứ và của cuộc hòa bình. Họ chỉ làm con chiên cho đến chừng nào nước nhà gặp cơn nguy biến cần phải chống trọi, thì bấy giờ họ mới trở nên một con sư tử : đánh thắng hay là phải chết.

HOA-BẮNG

SỰ ĐỌC SÁCH

Có nhiều cách đọc sách để ta học, để ta khuây khỏa nỗi buồn hoặc để ta được vui thú ; nhưng dù cách rất cao thâm, cũng như cách rất thông thường, đều có một nguyên-tắc chung, là bao giờ cũng cốt để ra ngoài cái số kiếp của mình. Một cô thợ em vôi vàng vớ lấy tờ nhật trình đọc trang tiểu-thuyết hằng ngày với một ông cụ già đương cúi xuống các quyển sách in để khảo cứu, cố-nhiên là mỗi đẳng hưởng một mỗi khoái lạc khác : đẳng cô thợ em thì khoái lạc ở cả trong tưởng tượng, đẳng ông cụ già thì khoái lạc hầu hết ở cả trong trí tuệ ; tuy vậy mà hai bên đều hưởng một mỗi vui thú chung là cái thú được rời bỏ cuộc đời thường của mình để vào một thế giới khác. Không có

faut de longs préparatifs, des ressources, de la liberté.

Pourtant, si tu veux t'en aller, il ne dépend que de toi de connaître un départ plus simple et plus complet que celui des gares. Ce soir, quand la maison se sera tue, tu t'assiéras près de la lampe et là, sans embarras, sans bruit, sans adieux, tu quitteras tout, en prenant un livre. La lecture est le premier voyage, et, quand le monde entier sera devenu uniforme, et qu'il ne vaudra plus la peine d'aller ailleurs, puisqu'on retrouvera toujours le même spectacle, le dernier voyage cessera encore la lecture.

ABEL BONNARD

người nào lại không có lúc đột nhiên muốn đi chơi xa. Nhưng cuộc du-lịch đều khó: phải sửa soạn lâu, phải có tiền, phải được rảnh.

Tuy vậy, nếu anh muốn đi, tự anh, anh có cách đi giản tiện và hoàn bị hơn cách đi do các nhà ga. Tối hôm nay, khi trong nhà đã yên lặng, anh ngồi gần ngọn đèn cầm quyển sách đọc, thế là tự khắc không bối rối, không tiếng tăm, không phải từ giã ai, mà anh rời bỏ được tất cả mọi cái. Sự đọc sách là một cuộc du-lịch đầu tiên, mà đến khi nào cả thế giới sẽ thành ra nhất tề và không bỏ công đi đâu cả vì ở đâu cũng chỉ thấy một quang cảnh giống nhau thì cuộc du lịch cuối cùng lại vẫn là cuộc đọc sách.

HẢI LƯỢNG dịch

Ai muốn biết rõ Thế-giới-ngữ Esperanto là gì ?

Ai bấy lâu vẫn từng hâm mộ Thế-giới-ngữ Esperanto ?

Đều nên đọc

?

Phụ-trương hằng tháng của Văn-Học tạp-chí

Riêng đăng hết thấy những tin tức và bài vở về

THẾ - GIỚI - NGỮ ESPERANTO

Mỗi số dày 16 trang rộng 22 x 30, bán lẻ năm xu

Một năm (sáu hào) được biếu thêm trong hạn 1 năm tờ « Tribune Esperantiste », một tờ báo bằng pháp-văn xuất bản 3 tháng một ở Strasbourg, cùng chung một mục-dịch với tập phụ-trương này.

SỐ MỘT RA NGÀY 1er NOVEMBRE 1934 sẽ có những bài sau này :

1. Cùng các bạn xa gần. — 2. Địa-vị UEA trong hồi Đại - chiến. — 3. Vòng quanh thế-giới với ngôi sao xanh. — 4. Lịch-sử Esperanto. — 5. Quốc-tế hội nghị Vienne. — 6. Thế - giới đại-hội-nghị Esperanto lần thứ 26 ở Stockholm. — 7. La quinzaine Esperantiste en Indochine. — 8. L'Esperanto et la presse indochinoise. — 9. Tôi đi nghe diễn thuyết Esperanto. — 10. Esperanto với nước nhà. — 11. Những thi-sĩ của thế-giới-ngữ. — 12. Tôi học Esperanto (bài thứ nhất). — 13. Trong đại-gia-đình. — 14. Trước ống nhòm. — 15. Điểm báo Esperanto.

Ai đã lưu ý đến « Thế-giới-ngữ Esperanto » cũng nên đọc tập phụ-trương này.

Thư từ và ngân phiếu gửi cho : ÔNG DƯƠNG-TỰ-QUÁN Chủ-nhiệm Văn-Học tạp-chí, 193, hàng Bông, Hanoi

Giấy nhận theo học cours d'Esperanto par correspondance và mua phụ-trương hằng tháng của V. H. T. C.

Tên tôi là ở nhận theo học cours d'Esperanto par correspondance và mua một năm phụ trươg hằng tháng của Văn-Học Tạp-Chí riêng đăng về thế-giới ngữ Esperanto. Tôi đính theo đây [bằng mandat hay bằng timbres postes (cò)] để giả tiền theo học và tiền báo. (1)

ngày 1934

Ký tên cho rõ :

1) Nếu chỉ mua phụ-trương không thì có thể gửi 6 hào bằng tem (cò)

Tin cần biết

Nội-các Pháp thay đổi

Về vụ ám sát ở Marseille (đã nói ở số trước) và vì quan Nội-vụ bộ tổng trưởng A. Sarraut cùng quan Tư pháp bộ tổng trưởng Chéron từ chức nên nội-các có thay đổi:

Ông Pierre Laval giữ bộ ngoại giao thay ông Barthou bị ám sát.

Ông Marchandau giữ bộ nội vụ thay ông Sarraut, Ông Louis Rollin giữ bộ thuộc-địa thay ông Laval, ông Lemery giữ bộ tư pháp thay ông Chéron.

Quan nguyên Tổng-thống Poincaré tạ thế

NGÀY 15 OCTOBRE quan nguyên Tổng-Thống Poincaré đã tạ thế. Quan Tổng lý Doumergue đã thương thuyết với quan Tổng-thống Lebrun về nghi tiết tang tể M. Poincaré thứ bảy này. Ngài yêu-cầu làm lễ quốc táng cho quan nguyên Tổng-thống.

Làm Tổng-trưởng hai lần, làm Tổng-lý Nội-các 5 lần, làm Thống-lĩnh một lần, trong 47 năm lăn lộn trong chính giới Pháp, ông Poincaré có công to với nước Pháp, nay dân Pháp làm lễ quốc táng cho ông thực là phải lắm.

Số tiền tiếp khách của quan Toàn quyền và các quan khác

Theo một đạo chỉ dụ mới, mỗi năm quan Toàn quyền về khoản tiếp khách sẽ được 22 300 đồng. Còn các quan chức khác như quan phó Toàn quyền được 9.000 đồng, quan Thống sứ Bắc-kỳ, Khâm sứ Trung kỳ, Khâm sứ Cao mên và Khâm sứ Lào được 6.400 đồng.

Khi nào quan Toàn quyền hoặc về công cán bên Pháp, hay đi

công cán ở ngoại quốc, vị quan nào tạm quyền thì số phụ cấp kia sẽ chia ra làm 4 phần: 3 phần về vị quan quyền chức Toàn quyền, còn 1 phần về quan Toàn quyền thực thụ.

Tại viện dân-biểu Trung-kỳ

Ngày 16 Octobre 1934, viện Nhân dân đại-biểu Trung-kỳ đã họp kỳ hội-đồng thường niên năm nay, do quan Lại-bộ Thượng thư Thái văn Toản chủ tọa buổi khai mạc. Các quan chức bên chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều đến dự rất đông.

Sau khi đọc bài diễn văn khai mạc thì viện đã bầu ban trị sự 1935 phần nhiều là những ông đã được bầu khóa trước cả:

Như ông Hà-Đặng (viện trưởng) ông Ngô-quốc-Túy (thường trực hội viên) ông Phạm-văn Quảng (thư ký).

Cuộc nói chuyện của ông Bùi-Kỷ

Tối thứ bảy 13 Octobre, ông phó bảng Bùi-Kỷ đã nói chuyện tại hội quán Lạc-băng Nam định đầu đề là: « Sự dùng chữ nho trong nước ta ».

Theo ý diễn giả thì ta dùng chữ nho có 5 cách:

1) Đọc nguyên giọng và theo nghĩa chính có thể gọi là tiếng Hán-việt như thông minh, trung biểu, tu mi.

2) Dùng lẫn vào với tiếng ta như kiện-tụng, sức-lực, tính-toán.

3) Hóa đi thành hẳn ra tiếng ta như minh-mông (minh-mông), long-lanh (lung-linh), man-mác (mạn-mặc),

4) Dùng những tiếng thừa-ngữ để chỉ đại ý trong một câu như « đại cà sa » (cái áo cà-sa to) ta hiểu là dài, « lang bạc kỳ hồ », « hăng hà sa số ».

5) Dùng nghĩa rộng mà bỏ nghĩa đen: lịch sự (trải việc đời)

ta hiểu là không quê mùa, tử-tế, đồng-hồ, bít-tắt tay (tắt là gót!) Về cách thứ năm này chính là một sự sai lầm ở trong tiếng song dùng quen, khó chữa.

Về sự dùng chữ nho trong tiếng ta ông nói có thể chia làm 3 thời kỳ:

1) Từ đời Trần trở về sau, vì vẫn từ đời Lý không truyền lại hoặc có song không lấy gì làm hằng chứng. Chuyện « Ché cóc » vẫn đầu đời Trần dùng nhiều chữ nho để chỉ pháp luật Chuyện « Trinh thử » dùng nhiều chữ chỉ về luân lý.

2) Đời Tiền Lê có nhiều: Gia huấn ca, Hồng đức thị tập, Nhi-độ mai, Bạch vân thi tập.

Diễn giả nói: Tiếng ta nhờ ở chữ nho mà giàu thêm là vì ta khéo mượn và biết khu khiến chữ nho. Một lần đã nhập tịch vào tiếng ta, chữ nho như thành hẳn là tiếng ta, dùng theo lối của ta, như vậy chữ nho tuy gốc ở Tàu mà bây giờ hoàn toàn thành của ta.

Kết luận diễn giả nói tiếng ta cần phải có chữ nho bổ thêm. Muốn cho tinh chữ nho, ta phải:

1) Chọn những cuốn văn quốc âm nào có nhiều chữ nho như Cung-oán, Hoa-Tiên, chuyện Thúy Kiều mà xem và kẻ cứu cho kỹ:

2) Nên lưu ý thể nhận những tiếng - đồng âm: cao thượng (thượng là trên, thượng là chuộng) phong thanh (thanb là tiếng, thanh là trong) v. v.

3) Nếu có thì giờ nên học thêm chữ nho là cách chắc chắn hơn hết, nhưng học là để hiểu nghĩa chữ nho chứ không phải là học để làm văn như lối cổ.

Ông Bảng nói: Ai bảo tiếng Việt Nam là nghèo tôi không chịu, ai bảo chữ nho khó, tôi cũng không chịu, nghèo hay giàu khó hay dễ, đều ở chúng ta cả.

HÀ-MAI-ANH

HOA THƠM TRONG VƯỜN VẠN

5) - Tội nghiệp ! còn con Vàng (tên của chó) mình có cho nó ăn không ?

- Bữa nào tôi cũng nhìn đi nửa bát cho nó.

- Mình nhớ săn sóc mấy khóm cà với nhé ! Để nó chết, mất ăn.

(Trích ở truyện ngắn « Chị vú em » của ông Lưu-trọng-Lưu đăng trong T. T. T. B.)

Nếu ông Lưu không thêm vào truyện đoạn này thì đâu ta đã có dịp biết rằng ông Lưu đã từng sống gần gũi bọn khốn cùng bạc phận. Chính nhờ ở sự lân cận mà ông mới được nghe quen những lời căn dặn như trên đây, của hạng đàn bà chất phác phải đi làm xa nhà cửa vẫn không quên con chó nuôi đã lâu năm và khóm cà trồng sắp đến ngày được ăn. Mà xét cho kỹ ra nếu ông Lưu bỏ qua đoạn này thì câu truyện của ông sẽ bị giảm một ít màu mè.

Thật đó vì tâm lý của các vai chính trong truyện, chỗ đặc biệt là sự thật thà, chất phác, lắm cảm. Tác giả của truyện ngắn buộc phải dẫn ra một vài chứng cứ như đoạn đối đáp của vợ chồng chị vú trên kia mới đủ làm cho ta, bọn khó tính tin ở sự hiền biết rộng của tác - giả sao ?

6)... Một hôm, một con bò cái lang-thang ở trên rừng rậm đi kiếm cỏ tươi. Thoạt một con hổ tới trước mặt giương nanh trở vuốt : « Ta là chúa sơn-lâm, mày vô phúc lạc vào đất này. Quyền sống chết ở tay tao. Hỡi con vật yếu-đuối, có khôn thì hãy đứng yên cho ta truyền lệnh »

Cái lệnh của chúa sơn-lâm là buộc con vật hèn-hạ ấy phải hiến thân, hiến xương thịt, máu để làm bữa cơm chiều cho chúa-công. Trước cái lệnh nghiêm của cạp, con vật hèn hạ kêu ca thảm-thiết : Trăm lạy chúa-công tha con nhờ, tội con chịu. Nhưng kẻ vô-phúc này còn có con đại ở nhà, đương trông ngóng mẹ về để bú vài bớp sữa. Xin chúa công xuống phúc cho mẹ con con được gặp nhau một lần trót. Chúa-công hãy tin ở lời kẻ hèn hạ này mà sự sống chết không thoát ở tay chúa-công ».

Chúa sơn-lâm gật đầu. Một mạch bò chạy về thăm con và phân-trần cho con hay những sự đã xảy đến và những sự sắp đến cho mình.

Rồi hai mẹ con tranh nhau chạy đến hiến thân cho cạp. Trước mặt cạp, bò con bảo thịt mẹ nó già, da dai, xương cứng tha cho mẹ nó. Bò mẹ thì lại cãi rằng thịt con nó chẳng được là bao, ăn không đã thêm.

Cạp phân vân không biết ăn thịt bò mẹ hay bò con trước vì bò nào cũng muốn hy sinh vì nhau cả.

Đứng trước cảnh như xé gan ruột người ấy, cạp đói cũng còn biết cảm động nhủ lòng thương tha không ăn thịt mẹ, con bò ».

Nghe tới đó tôi nắm lấy tay nhà tôi mà rú lên rằng :

CHI EM NÊN BIẾT!!!!

Tôi đã hơn bốn mươi tuổi. Hồi tháng tư năm nay, tôi bị chứng phù rất nặng : chưa mất nhiều thuốc mà tiền mất tật mang. May gặp được cụ VŨ THƯƠNG CHI mới mở Y-học thư xã ở số nhà 194 phố hàng Bông ở Hanoi. Cụ cho có 5 thang thì khỏi.

Sau một tháng nữa bệnh giở lại vừa ho ra huyết vừa phù nặng hơn trước. Tôi lại theo cụ uống 5 thang nữa thì bệnh khỏi hẳn.

Cách đây đã hơn 3 tháng rồi bệnh không thay giở lại nữa. Mà người lại khỏe mạnh hơn trước.

Vậy tôi có mấy lời thành thực đăng lên báo trước là cảm ơn Cụ và giới thiệu cùng chị em.

Hanoi le 6 Octobre 1934

kính dâng

Madame NGUYỄN-TRỊ-SỰ

N° 250 B, Cửa-Nam - Hanoi

- Chúng mình là con cạp, mình a, khổn nạn quá.

(Cũng trong bài ấy)

Khen cho cái trí nhớ dai (mémoire fidèle) của nhà chép truyện (nhớ ngày nhỏ có đọc qua sách L. L. giáo khoa của ông Đỗ - Thận). Tôi có thể nói đoạn trích trên đây tức là bông hoa quý của vườn trồng đủ các thức hoa. Xem 1 truyện (vẫn biết nó hoang đường) hiểu thảo, nhưn nghĩa, cảm kích đáng nhắc để làm gương cho những lũ con bất tử ở thế kỷ ham ăn đua chơi, vật chất kim tiền này, ông Lưu đã giải cho ta được một sự bất bình. Vì sự cảm động tha thiết sau khi biết truyện thương tâm ấy, lẽ tự nhiên làm cho ta quên hết giận. Thì còn tâm trí đâu mà giận được nữa ? Với người đã biết kể cho vợ nghe câu truyện hiểu nghĩa ấy, lẽ nào ta lại không tin nhận rằng va là hạng có lương năng, lương tri, biết thật lòng thương kẻ nghèo khó. Khá dễ chối cãi được sao ? Cái óc lý tài còn biết nhường chỗ cho câu chuyện ấy thì còn tư-cách liệt vào hạng óc hiểm có đáng tôn quý. Nhưng trừ cặp vợ chồng thuộc hạng trưởng-giả biết xót thương tình cảnh của vú em bằng sự nhắc nhủ lòng câu chuyện bỏ với hồ kia là sự rất hiếm - nói là không thể có cho cái xã-hội giai - cấp này thì tôi tưởng chẳng còn gia đình của bọn quý phái nào biết chế ngự sự tàn nhẫn thói bất nhân tánh nghiêm khắc ích kỷ của mình bằng câu chuyện đó nữa. Ta chẳng nên lấy làm lạ, nếu ta nhớ rằng với hạng người lòng dạ sắt đá, sống chẳng kể gì nhân nghĩa, chỉ biết có sự khoái lạc vật chất thì dầu cho nhà luân lý học có đem loa kẻ vào tai chúng mà lớn tiếng nhắc câu-truyện bỏ và hồ cũng chẳng có hiệu quả gì.

Nếu có thể cảm hóa chúng bằng câu truyện đó được thì nhà luân lý học bấy lâu đã không phải thất vọng mà thốt ra lời này : « Với những sự bất bình nhường kia, ta không còn có cách gì cứu chữa hơn là mong cho mau đến ngày nở trái đất cho tiêu loài người... »

Thì ra lòng công phần thường đem đến cho ta nhiều mối bi quan.

Quá bi - quan đến nỗi mong sự tiêu diệt cho hết cả loài người.

TUYÊN-THANH

DU-LUẬN

Nêu muôn sông được khỏe mạnh không nên coi thường vẩn-đề nước uống ...

Trước đây 6 năm, trên mặt một tờ báo ở Hanoi, tôi cũng đã bàn đến vẩn-đề này. Nay tôi đem ra bàn lại một cách có khảo sát kỹ càng hơn vì chẳng nói người trí-thức ai cũng biết nó là một vẩn-đề rất cần thiết cho nhân dân.

Trừ các tỉnh lớn như Hanoi Nam-dinh, Haiphong, Hà-đông, Phủ-lý, v. v... có máy nước uống được chong sạch còn các tỉnh nhỏ, chốn thôn quê, nơi huyện phủ, phần đông xung quanh bao bọc có nhiều rừng núi thì thử nghĩ dân muốn sống, phải ăn uống bằng thứ nước gì? Tôi chỉ biết trả lời vắn tắt trong một câu « Nước suối, nước sông, nước giếng, ngòi, ao, nước mưa »

Nước mưa. — Máy nhà có tiền xây được bể lớn, mua nhiều chum to để chứa nước sạch dùng được trong suốt năm, ta nên nhớ là sự rất hiếm. Mưa rào có độ, chớ có phải lúc nào trời cũng mưa to cho có đủ nước dùng luôn đâu? Bể đầy kín nắp còn lấy đâu có khi trời vô. Còn để ngổ thì tránh sao cho khỏi có ruồi muỗi đẻ vào, thành thử bọ - gậy loăng - quăng trên dưới có đến muôn trùng (không kể số trùng nhái bèn ta thường thấy đóng ở dưới đáy bể)

Dùng nước mưa như vậy bảo không đáng sợ cho sự sống khỏe mạnh sao? Chỉ trừ người không học qua phép vệ-sinh mới nỡ trả lời tôi « Ăn bần sống lâu, ăn sạch mau chết. » (1)

Nước suối. — Chính nó đã đem

truyền cho ta cái nọc bệnh sốt rét *ngã nước* (fièvre paludéenne) Mưa một trận biết bao nhiêu là cành khô, lá thối cùng các uế - vật trong rừng trên núi đổ sô cả ra suối. Thủy thổ bất phục, ai vì kẻ sống phải đến ở đất xung quanh bao kín rừng núi mà chẳng phải nếm qua mùi sốt rét ngã nước. Thường khi không biết cách chữa để bệnh trở nên nặng đến chết, muốn tránh nó, họ chỉ còn có cách cuốn khăn gói lần về nơi sanh trưởng (quê hương). Về, nếu họ thoát chết, thì quanh năm cũng bụng ỏng, da chi, và như không còn muốn nghe ai nói đến cảnh *rừng thiêng, nước độc* nữa. Vẫn biết nước độc một phần vì khí hậu, nhưng dầu khí hậu có tốt, tánh chất của nước suối cũng không thể trở nên tốt được là điều tôi dám quyết chắc.

Nếu ở chốn thôn quê (nhất là những nơi gần rừng núi), đâu đâu cũng có máy nước cả thì người có trí kinh doanh ở tỉnh, đang lúc phải kêu rêu vì nạn thiếu việc làm, muốn tìm nơi lợi dụng tài nghệ, không đến nỗi phải bó tay

Nói rõ hơn là họ sẽ vui lòng vì không còn phải sợ nạn *nước độc* nữa) lần đến những chốn nhiều rừng, nhiều núi, đang cần người đến khai khẩn mở mang. Được như vậy, há chẳng là dịp giúp ta giải quyết được 1 phần nạn thất nghiệp đang chần lán ở thành thị và giảm bớt gánh nặng cho vẩn đề kinh-tế sao?

Nước sông. — Ôi thôi! nghĩ đến sự phải dùng nước sông mà tôi phát rùng mình; nhưng không còn có thứ nước gì thay vào nữa; thật là *khuất mắt khôn coi*. Nước đã đục như bát đất mà còn phải chứa chất biết bao nhiêu sự dơ dáy đáng ghê gớm khác; như quần áo hôi tanh, ghẻ lở của bọn có bệnh *hải lậu* cũng đem ra sông dặt dũ, rồi đến những uế-vật, rác rưởi cũng đổ ra sông, thỉnh thoảng lại có cái xác chết (trâu, bò, chó, gà hoặc người) đã chường trôi ở sông. Nếu nhà nước có cấm thì cũng chỉ cấm lấy lệ, chớ có lính tráng đâu mà canh giữ hết được cái ngu đại cầu thả của bọn dân ở duyên-giang.

Nước giếng. — Người tỉnh thành ít nơi phải dùng nước giếng, vì phần nhiều tỉnh nào cũng có nước sông chảy qua nên cũng như các miền thôn-dã bên Pháp, chỉ những dân quê (*làng, tổng, phủ, huyện*) là phải ăn nước giếng, xong đem so những giếng ở bên ta với các giếng ở đất văn-minh thì thấy khác hẳn; giếng của người ta tuy nhỏ mà sâu thẳm, có bờ xây cao, có đồ trục nước, còn kẻ đến giếng của mình thì ôi thôi phải theo bực mà xuống cho nước xấp-xỉ đến đầu gối rồi phải *lẳng* quay thùng đi lại vài lần cho bèo hoặc lá cây ở quanh đó rụng xuống, chới đi rồi mới vục nước lên bờ giếng (thường làm bằng mặt với đường đi) Mưa to thì các thứ ô-uế đều chới cả xuống.

TẠP TRỞ**Khắp thế giới đều có nạn trí thức thất nghiệp**

Trong thế giới ngày nay, không nơi nào là không có cái nạn trí thức thất nghiệp. Xứ nào càng nhiều thanh niên trí thức bao nhiêu thì càng lắm người thất nghiệp khổ khổ bấy nhiêu, tức như ở Pháp, ở Đức, ở Anh có nhiều vị cử nhân đi làm bồi, đốc tờ đi bán dong. Bên Mỹ tuy là xứ tiểu bạc nhiều và công nghệ thịnh, nhưng bây giờ nạn trí thức thất nghiệp cũng lớn cũng khổ chẳng thua các nước khác.

Hiện giờ ở Mỹ đang thực hành cái chương trình chấn hưng quốc gia cốt để cứu vớt tình hình khủng hoảng trong nước, nhất là giải quyết vấn đề thất nghiệp mà hạng trí thức có một số đông trong đó.

Sở dĩ ông Roosevelt lo thực hành cái kế hoạch ấy một cách sốt sắng và cần cấp là vì hiện thời hạng trí thức thất nghiệp họ không còn mưu được việc gì làm ăn cho xứng đáng, nên phải quay ra làm nhiều nghề có thể hại đến quốc thể của Mỹ.

Theo lời của nhà phóng sự Pháp Marc Chadourne đi điều tra ở Mỹ vừa rồi thì ông có mượn một cái xe hơi đi dạo chơi mà người cầm lái chính là một người nói tiếng Pháp một cách rất bạt thiệp. Hỏi lại thì té ra đó là một vị kiến - trúc sư (architecte) trước kia có tông học ở trường đại học Paris về khoa kiến trúc nhưng bị thất nghiệp từ năm 1932 đến nay phải ôm lấy cái nghề khó nhọc này để mà sống.

Xe chạy thiếu xăng, người sắp phơ hiếm có ấy mới đến chỗ bán xăng. Người cầm cần quay cho xăng lên xuống cũng là một vị kỹ sư hồi thịnh vượng, có thể làm ra mỗi năm 10 ngàn đồng đô-la là ít, thế mà bây giờ phải bán dầu xăng. Chỉ vì kinh tế khó khăn tìm không ra một việc làm nào theo tài học chuyên môn của mình thành ra phải đến một cái hãng xe hơi kia mà người chủ trước là bạn đồng song với mình đang xin việc làm. Người chủ không có thể gì giúp đỡ bạn cho xứng đáng nên chỉ dựng cho bạn cái chức giữ chỗ bán xăng!

Những người có tài chuyên môn âm nhạc nay cũng đành ôm kèn trống đi đánh dạo ở ngoài đường.

Nếu không ai gọi đến nhà thuê đánh âm nhạc nghe chơi, thì họ phải lựa một chỗ nào đông người rồi nổi trống nổi kèn lên, ai hảo tâm thì bỏ thi cho tiền chút ít, như không có thì cũng vẫn vui lòng cam chịu vậy.

Bọn này không phải như là tài tử bên ta không cần không bồn đâu. Họ có học chuyên môn và trước kia họ vốn đánh nhạc ở mấy nhà hàng lớn nhất ở Philadelphie, nhưng bây giờ có nạn khủng hoảng, giờ quang cảnh ở thành ấy không còn buôn bán ăn chơi rộn rịp như trước nữa, nên bọn tài tử bị sa thải mà thất nghiệp lằng bằng như vậy đó.

Ở nhà hàng Woods ock tại thành Nữ ước, có gần 200 đào

kép không có nhà hát nào muốn sắm tuồng. Trong số này có nhiều người rất có tiếng tăm trong nghệ thuật diễn kịch mà nay đành ăn không ngồi đợi ở đây. Không biết họ ở nhà hàng có trả tiền hay không, cái đó không ai được biết.

Nhưng bên Mỹ có nhiều chủ nhà hàng có lòng đại độ lắm, không phải như ở bên mình đâu.

Lúc ông Marc Chadourne ở Mỹ, ông ta có mượn một người Mỹ làm thư ký; người này trước kia có đỗ bằng chuyên môn về nghề làm đồ sành, nay cũng thất nghiệp có thuật lại cho ông ta nghe một cái trường hợp đáng thương tâm lắm.

Anh Edwin, tức là viên thư ký của ông Marc Chadourne nói chuyện rằng độ nọ anh ta không tiền, có hôm bị kiến cắn bụng quá không biết làm sao, mới đánh bạo vào một cái nhà hàng nọ bảo bồi đem đồ tới ăn chầu. Ăn no nê rồi anh ta đi lại chỗ thâu tiền mà thú thiệt với người ngồi đó rằng mình không có tiền trả.

Viên quản-lý nhà hàng hỏi:

— Không có tiền, sao chú ăn làm gì?

Anh Edwin trả lời:

— Tại tôi đói quá, mà trong túi không có tiền, nên tôi phải đánh liều như vậy.

Hai người ngó nhau rồi thì anh Edwin trở bước. Ông chủ nhà hàng vui lòng để cho đi ra tự nhiên.

Có hội cự sanh viên trường

trung học cứu tế thất nghiệp (*Association of Unemployed college Alumni*) năm rồi có phái người tới Hoa-thịnh-đốn tố tình cảnh của họ cùng ông tổng thống Roosevelt nghe. Ông tổng thống có hứa sẽ trợ cấp cho họ thể mà từ đó không có tin tức gì hết. Chắc kho bạc nhà nước cũng trống lỗng.

Hiện giờ ở Mỹ có nhiều nhà viết báo, đốc-tơ, trang-sư, kép hát; ấy là nói hạng có tiếng tăm tài giỏi hết thấy, thể mà lối ngày nện mòn gót giày trên các hè đường chớ không tìm được một công việc gì sống được.

Cũng có nhiều nhà hội họa hay là văn - sĩ được các tư gia hoặc chánh phủ thuê dụng. Nhưng chỉ dùng dờ trong một hai tháng là cùng, mà lương mỗi tuần chỉ từ 30 tới 40 đồng thành ra họ sống một cách khó khăn lắm.

Trái lại, bọn lao động về tay chơ lại ít chịu thiệt thòi hơn người trí-thức. Những nghề khó nhọc nặng nề, dân lao động đã làm quen đi rồi nên họ dễ kiếm công việc làm, dầu lương ít cũng mặc, trong lúc khủng hoảng này được sao hay vậy.

Xét ra nạn khủng hoảng bất cứ ở đâu cũng làm cho hàng trí thức chịu thiệt thòi hơn hết cả. Ngay như ở xứ ta hiện giờ số thất nghiệp có trên mấy ngàn mà số ấy chỉ thấy tăng lên chớ không sụt xuống là vì người trí thức ở đây cũng như ở Mỹ, ngoài công việc làm nhẹ nhàng thơi thì họ không làm cái gì khác hơn nữa được. Thành ra trong lúc đồ khổ này, hàng trí thức thất nghiệp chịu nỗi khổ nhiều hơn ai hết là vậy đó

T. K.

(Đ. N. N.)

PHIẾU SỐ 2 (1)

Để lựa chọn trên dưới các bài đoản - thiên tiểu-thuyết dự thi đã đăng ở V. H. T. C từ số 43 đến nay

Theo ý tôi thì bài	Số	đăng ở V. H. số	đáng được
			giải nhất
			— nhì
			— ba
			— tư
			— năm
			— sáu
			— bảy
			— tám
			— chín
			— mười
Tên và họ		ngày 1934	
Chỗ ở		Ký tên,	

(1) Phiếu này phải gửi đến tòa báo trước ngày 15 Décembre 1934. - Xin xem V. H số 39

CÂU CHUYỆN THỨ BẢY

VIẾT CHỮ NHỎ

RIENG TẶNG CÁC NAM NỮ HỌC SINH

Hôm ấy là hôm thứ năm, là ngày dạy chữ nho đầu tiên của năm học. Trong một trường Pháp-Việt nọ, ở lớp Đồng-ấu, thầy giáo nho viết những chữ « nhị 二 », « tam 三 », « khâu 口 », « mục 目 » lên bảng. Thầy cắt nghĩa xong rồi thầy dạy viết.

Các học-trò dở bút lông, giấy bản và mài mực ra viết. Vừa nghe thầy cắt nghĩa viết thế nào xong, các cậu tưởng rằng viết dễ lắm. Ai ngờ cầm đến bút thì run; chấm mực, đặt bút vào giấy thì nó nhòe to tướng ra cả, hoặc không nhòe thì nét chỗ nhỏ tí, chỗ trùng-trục, chỗ vắn vèo, mà chữ lệch-lạc không thành hình...

Cậu Tôn, lên 7 tuổi, có dáng thông minh, hôm ấy quên không mang bút, mà đi mượn thì không ai thừa, đành ngồi xem các cậu khác viết. Cậu thấy các cậu khác viết khó khăn lắm mà chẳng được chữ nào, thì cậu cứ gật gù gật gưỡng mà lẩm nhẩm nói:

— Hừ! dễ thế mà sao chẳng anh nào viết được...

Rồi cậu lại lấy ngón tay trỏ vạch ra mặt bàn mà nói tiếp luôn:

— Chữ « nhị » thì viết thế này, thế này... Chữ « khâu » thì viết thế này, thế này... Có thể thôi mà chẳng anh nào viết được... Các anh độn tẹ...

Cậu vừa nói đến đấy, thì thầy giáo cầm bút sơn chừa chữ từng người một, đã đi đến bên; thầy liền hỏi:

— Mày viết được à?

— Vâng ạ; cậu đáp một cách cả quyết, rồi cậu vênh vào tiếp theo: thưa dễ ạ.

— Thế mày thử viết vài chữ xem nào. Ông thầy lấy bút của người bên cạnh, đưa cho cậu mà nói thế.

Cậu đắc chí cầm lấy bút, lại để xuống bàn, mài mực ra dáng con người giỏi lắm. Các bạn người ngồi đằng trước thì quay đầu lại, người ngồi đằng sau thì nghehen cổ lên, ai cũng đồ giỡn mãi lại chỗ cậu, người thì bụng bảo dạ: « Anh ấy bé thế mà viết chữ nho giỏi nhỉ », người thì: « quái! anh ta chưa học bao giờ mà đã viết được »...

Cậu mài mực xong rồi, lại cầm bút lên, thì không theo lời thầy dạy, cậu cầm cán bút vào khoảng giữa ngón tay cái, ngón tay trỏ và ngón

tay giữa, chỉ khác cái lối cầm bút tây là ngòi bút quặp xuống, dường như một bức cựa-nhò sắp thảo một thiên nhanh tựa gió táp mưa sa vậy.

Các bạn thấy thế ai cũng cho cậu ta là một vị kỳ-dồng, mà lại càng châu đầu thêm gần vào, đến nỗi ông thầy phải bảo:

— Chúng mày đừng lui ra một tý, không có nó viết thế nào được!...

Tay cậu đã đặt lên tập vở giấy bản, nhưng bút chưa hạ xuống... Các bạn còn đương ngóng, trong phòng im phăng phắc, chẳng ai nói câu nào, mồm ai cũng há hòng hốc... Nhỡn-tuyển của mọi người đều chú vào đầu ngòi bút lông, — nếu những nhỡn-tuyển ấy cũng có nhiệt-độ như quang-tuyển của mặt trời thì đầu ngòi bút lông ấy phải cháy bùng lên.

Bỗng chốc, ngòi bút hạ xuống đánh cái « toẹt » một cái, chẳng ra chữ gì cả! Thôi thì không ai bảo nhau mà tiếng cười của mọi người đều bật ngay ra một lúc như pháo ran, xé tan luồng không khí im lặng lúc bấy giờ. Làm cho cậu Tôn đỏ mặt, tia tai vút bút đi, cúi gằm xuống cánh tay, ôm chặt lấy đầu, dụi mắt vào tay áo. Tiếng cười vẫn kéo dài ra; người thì « hà! hà! » miệng xoạc gần đến mang tai; người thì « ắc! ắc! »; người thì « ắc! ắc! »; anh Thuyết thì « hờ! hờ! hờ! », mồm há to, nhưng môi chum tròn lại, tiếng nghe có dáng chế nhạo rất khả ố. Làm cho người trong đã khóc thầm, lại bức thêm!

Thầy giáo thấy vậy có lòng thương, đã bảo: « Im!... Im!... » thì những tiếng cười mới thưa dần... Nhưng mãi đến lúc tan buổi học hãy còn thỉnh thoảng nghe thấy tiếng « khúc khích » không biết rằng của ai, khác nào những tiếng suối nhỏ trên sườn núi « ọc ạch » chảy ngầm dưới đám cỏ xanh vậy...

Xem lại tờ giấy của cậu Tôn, thì thấy một nét kéo mạnh bạo, nhưng quăn quèo như con đun, mà lại đầu nhỏ quá, đầu to oạch, xấu hơn con đun.

Cậu Tôn phải mê đắm cay như thế, thành ra về sau cái gì cậu cũng thận trọng và bất cứ làm việc gì dù chắc đến đâu cậu cũng chẳng bao giờ giám tự phụ trước nữa.

BÙI TIẾN RINH

VÌ TIỀN..

(Thế-sự tiền-thuyết)

(Tiếp theo số trước)

« Nghe qua, anh mừng quá nên vụt hỏi: « Thưa ông, đây là nơi nào mà ông bảo rằng xừ sở? » Rồi lại có tiếng một người trai xốt lấy câu hỏi của anh mà đáp:

« Cà-mau! »

« Đã ba ngày linh đình giữa biển, nay về đến Cà-mau thì còn chi vui bằng! » Ông già lại tiếp: « Chớ chi chú gặp phải người khác thì không khỏi chú bị ngồi tù như trước! Còn về phần tôi, theo con mắt của tôi thì chú chẳng phải là một kẻ sát nhân ghê gớm... »

« Tôi sẽ thả chú, song bộ đồ của chú đang mặc đây sẽ làm trở ngại bước đường của chú. Vậy chú hãy theo tôi về nhà, thay quần áo, cơm nước rồi sẽ đi... »

« Nghe ông già nói, anh mừng hết sức, anh sụp xuống lạy ông mà tạ ơn cứu tử thì ông lật-dật dỡ giấy, không cho lạy và nói rằng: « Ấy là bổn phận của tôi, lương tâm của tôi buộc tôi phải làm chớ có chi gọi là ơn là nghĩa. »

« Ông chở anh về nhà, thay quần áo, cơm nước xong rồi ông mới hỏi: « Chú chẳng nên giấu giếm tôi làm chi, chú hãy coi tôi như người thân của chú và chú hãy thuật cho tôi rõ tại sao chú phải vòng tù tội. »

Vì mang ơn quá nặng, anh liền thuật lại cái thiên thảm sử của anh, thuật rất cặn kẽ, ông nghe rồi thì ông lắc đầu, chắc

lười và nói rằng: « Thế gian thì chỉ có ngàn ấy thôi! »

« Em ơi! bộ đồ của anh đang mặc đây tức là vật quý hóa của ông chài ở mũi Cà-mau cho anh vậy. Mình là người ngay nên đi đến đâu cũng có người cứu giúp hết. Trưa lại, anh từ tạ ông già, hỏi thăm tên họ thì ông và người con đều lắc đầu, ông già đáp rằng:

« Chú cứ an lòng noi theo đường này mà đi, tên của tôi chú không cần biết làm gì, tôi cứu giúp chú, tức là tôi vâng theo mạng lệnh của lương tâm tôi mà thi hành, tôi không mong cho ai trả ơn hết, tôi chúc cho chú được vạn sự may mắn trong lúc đi đường và ước ao sao cho chú sau này sẽ biết lo cứu giúp kẻ khác... »

Nói rồi, hai cha con ông già đóng cửa, xuống ghe nhỏ sào mà đi, cực chẳng đã anh phải quay mình trở bước. Sau anh hỏi người ở vùng ấy thì họ nói ông ấy là ông Sáu Cầu... »

Thuật đến đây khuya quá, sáu Đình đành phải tạm ngừng câu chuyện vì thấy mệt mỏi trong mình.

II

Mỗi buổi chiều, sau khi tan học thì trên con đường « chùa cô hồn » (Soctrang) có hai đứa học trò tuổi lười mười sáu, mười bảy nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện, coi bộ ung dung vui vẻ lắm. Hai đứa học trò này, đứa thì sắc mặt hiền từ, vui vẻ, đứa

thì xảo trá quỷ quyết.

Hai trò, trong mấy năm nơi trường sơ học, đều ngồi chung một lớp, một bàn lại nhà cửa gần nhau thì bảo sao chúng nó không thân, không thích cho đặng?

Anh em bạn, hề thân thích nhau thì thường chẳng hay chú ý đến sự nhỏ nhặt, thường hay tha thứ lẫn nhau trong khi lầm lỗi, lại cũng có khi vì thân với nhau quá mà không thấy lỗi của người bạn mình đã làm.

Mỗi ngày bốn bận đi đi, về về, hai trò vẫn đi chung, chẳng phút nào rời xa. Hai trò là con nhà nghèo, quần áo tuy chẳng được bằng hàng lụa như ai, nhưng hai trò chẳng lấy đó làm buồn. Hai trò đều học lớp nhứt cả; một buổi sớm mai kia, trò Đình cập sách đến rủ trò Tâm đi học, nhưng đến nơi thì gặp bạn đang nằm rên trên giường: hỏi han xong, trò Đình cập sách ra đi mà nét mặt thì rầu rầu như người mới gặp một tai nạn gì!

Nằm trên giường, trò Tâm nghĩ: « Ngày thi gần đến, nếu ta nghỉ, ở nhà phải thiệt nhiều đều, phần mất bài vở, phần phí thì giờ, thôi, ta chớ nên vì cái đau này mà bỏ qua cái thời giờ quý hóa. Phương ngôn có nói: « Một tắc quang âm, một tắc vàng », ta hãy ráng đi. Nghĩ vậy nên trò cập sách ra đi. Đến nơi gặp các bạn đang tập thể-thao (culture physique) nên trò không giám vô, sợ ông đốc trường quở phạt (trường sơ học

Soctrang lúc bấy giờ tập thể-thao mỗi buổi sớm mai, trước khi vào lớp học) Trò tính đợi mãi giờ sẽ vô nên ngồi núp dưới bóng cây dầu gần trường mà đợi...

Một chập sau, thầy Lê, người thơ ký của trường, đi xe kéo đến, trò Tâm sợ quá nên vội vã chạy đi.

Vì sao trò sợ dữ vậy?

Thầy Lê, không thua chi bọn Bàng-Hồng đời Tống, tính tình độc hiểm, ý mình được người yêu nên thường hay mượn thể cây quyền làm. Thấy trò Tâm chạy, thầy tưởng là có chuyện chi nên đợi lúc trò Tâm vô, thầy liền sai "loong toong" xuống lớp kêu trò lên cho thầy bảo.

Trò Tâm bước đến phòng việc, thầy Lê, nét mặt hầm hầm, lấy tay vuốt trôm râu «le the» của thầy; ngó thẳng vào trò Tâm, nghiêm nghị hỏi:

— Tại sao sớm mai mày gặp tao lại chạy đi? Đồ làm biếng, trốn tập hẳn?

— Thưa, tôi nào...

— Nín! con bò rừng.

— Dạ... Trò muốn trả lời, thầy chặn lại và bảo:

— Ừ! tao kêu nín đã!...

— Thưa thầy...

— Thưa gì? Nín!... nín! Đồ du côn, đồ học trò vô phép, gặp thầy, đã không chào hỏi lại còn kiêu ngạo (??)

Thầy cười gằn, thầy xô ghế đứng giầy đánh trò Tâm một bạt tai rồi thầy kéo đầu trò qua phòng quan đốc tây. Gần tới cửa, thầy buông trò ra rồi bảo: «Mày vô đây...» Ti ấy bước vô chào ông đốc rồi nói chi với ông một hơi... Ông đốc ngảnh lại mắng trò Tâm là vô phép,

rồi ông đuổi trò ra khỏi trường.

Trò Tâm bị đuổi, vì tội chi? Xem đoạn trên, đọc-giả đã dư hiểu.

Mất một người bạn yêu, trò Đình hết sức buồn; mỗi khi rảnh, trò cũng thường qua nhà trò Tâm chơi như mọi khi. Khi nào nhắc đến chuyện cũ, trò Đình cũng lựa lời ngọt khuyên bạn: «Anh chớ nên buồn, mình cấp sách vào trường là cốt để học cho biết chớ chẳng phải học để làm thầy thông, thầy ký hoặc ông phán ông tham. Hôm nay anh bị người ý thể cây quyền làm cho anh phải xa thầy cách bạn, anh chớ rầu buồn làm chi, họ đuổi anh, tức là họ chỉ cho anh biết rằng trong cái đời này cũng có những kẻ tiểu tâm và cũng là một bài học... một bài học rất qui báu, anh nên ghi để bên lòng.»

Ít hôm sau, nhằm kỳ thi sơ-học, trò Đình chẳng may phải rớt, vì nhà nghèo khó nên trò không thể theo đòi ngiên bút nữa; trò đành giã bạn từ thầy lên tỉnh kiếm kế sinh nhai...

Mới hôm nào đây, hai trò cấp sách lui tới nhà trường, thế mà hôm nay bỗng nhiên đã hóa ra hai anh thợ chài rồi (vì cha mẹ của hai trò chuyên nghề ấy nên hai trò mới hiểu biết rành lắm). Từ hôm ấy trở đi, người ta mới thấy trên kinh Maspéro có thêm một chiếc thuyền chài lênh đênh trên mặt nước, ấy là thuyền của Đình và Tâm vậy.

Nhiều khi đang chài, chợt trông lên đường, thấy học trò cấp sách lần lượt đến trường làm cho hai chàng nghĩ lại cái thân thể của mình lỡ dở thì sao khỏi chẳng có sự thốn thức lòng.

Vài năm sau, cha mẹ của hai

chàng đều lần lượt, kẻ trước người sau, từ trần hết, để lại hai căn nhà lá nhỏ, trống trước hỏ sau. Hai người mới cất nhà ở chung và lo bề gia thất. Năm ấy Đình đã hai mươi một tuổi, còn Tâm thì nhỏ hơn bạn một tuổi.

Hai người cùng đi chài như thường, cả hai đối đãi với nhau chẳng khác nào ruột thịt, không bao giờ nghe lời vợ mà xích mích cùng nhau.

Bây năm đã qua...

Anh Đình có ba đứa con, đứa con gái lớn của anh năm nay được năm tuổi, tên là Sâm của thằng Trí và em nó thằng Minh mới đẻ chừng một tháng. Có con, anh ráng lo ăn cần ở kiệm, tiện tặn để sắm ăn sắm mặc cho con được bằng trẻ con hàng xóm.

Anh Tâm cũng có một đứa con trai lên sáu, tên là Hoàng...

Từ ngày hai anh chung chạ, thân thích đến nay, tính cũng có mười mấy năm dư; trong cái thời gian dài đằng đằng ấy, cả hai đều ý hiệp tâm đầu, chẳng khi nào nhà lân cận nghe rầy rà to tiếng.

Biết nhau từ thuở còn thơ, lúc nghèo cực sung sướng đều có nhau, lẽ thì nay hai người phải biết chiều mến nhau lắm, song biết đâu lòng dạ con người, nay dờn mai đổi; biết đâu có kẻ bấy lâu cùng bạn chia ngọt xẻ bùi rồi bỗng gặp sự bất ngờ mà đánh nhẵn tâm hai bạn.

Sóng sâu còn có người đo,
Lòng người nham hiểm, ai dò
cho ra?

Thật, lòng dạ con người khó đoán quá!

Một hôm, sáu Đình ra sau nhà cuốc đất trồng rau, đào

một hồi bỗng thấy ba cái hũ nằm khịch nhau, đây diêm hần hoi. Thấy vậy, có tánh tọc mạch, sáu Đinh liền dỡ ra coi thì lạ thay! ba cái hũ đều chói màu vàng thục. Lấy lên coi thì là vàng lá, lòng mừng khắp khởi chạy vô nhà kêu bạn ra mà chỉ và nói:

— Anh Tâm! tôi vừa đào được ba hũ vàng đây này...

— Cha! may quá... Nhờ ơn trời phật cứu giúp kẻ nghèo.

Có nhiều khi, trong lúc đêm khuya canh vắng, sáu Đinh thầm tính sẽ đem cửa kia mà tìm nguyên-chủ để trả lại, nhưng nguyên-chủ là ai? Miếng đất của mình đang ở đây, từ mấy chục năm nay không hề nghe một ai nói đến vàng bạc ấy kia mà.

Trừ ra chỉ có mấy ông già ngồi rảnh mới đem chuyện xưa ra nói:

« Trước kia, trên miếng đất này « có một nhà phú hộ mà chủ nhân « cái nhà ấy là một bà già trên « sáu mươi tuổi. Bà có một người « con trai và một người cháu trai « kêu bà bằng dì, nhưng con và « cháu của bà ăn ở chẳng được « hòa thuận, hằng ngày xích mích « nhau luôn. Bà thấy vậy thì lấy « làm khó chịu lắm nên bà bán « hết ruộng đất, lấy bạc đổi ra « vàng rồi cất vào hũ mà chôn lại; « bà định để một vài năm nữa sẽ « giao vàng ấy lại cho con để lập « nghiệp. Chẳng bao lâu, con bà « chết.

« Không đau ốm chi mà chết « nên bà có ý nghĩ cho cháu bà « làm việc chẳng lành song việc « vô bằng cứ nên bà phải làm « thỉnh... Cách ít lâu, bà và « người cháu mắc phải bệnh « bỏ mạng. — Có ít người biết « được việc ấy, hằng ra công tìm

« kiếm, song vô ích, vì không biết « bà chôn của ấy nơi nào nên lâu « ngày họ cũng bỏ qua. »

« Cha! Khó tin thật, mà rồi đây biết mình cóặng thung dung mà hưởng của ấy chẳng hay là... » anh ta suy nghĩ mãi mà tấm lòng chẳng yên.

Từ ngày được của, hai Tâm hằng bữa lo-lo, tinh-lỉnh, có khi sắc mặt trông vui vẻ lạ thường, có lúc lại âu sầu buồn-bã.

Anh lo gì?

Anh tính gì?

Nào ai có biết!

Một đêm kia, từ bề vắng-vẻ, ngoài hè, trừ tiếng dế ngâm nga động thấp động cao, lâu lâu lại xen lẫn mấy tiếng « cú!... Cú!... » trèo nhánh ra thì chẳng còn một tiếng chi nữa... Lặng lẽ như tờ, hai Tâm nằm gác tay qua trán, suy tới nghĩ lui rồi trong lòng của anh bức tức không an, nhắm mắt, cầu mây dường như đang mắc phải cái cảnh chua cay khổn khổ vậy. Lăn qua trở lại một hồi, ngủ lúc nào không hay, đến lúc mở mắt ra thì mặt trời lên cao vọi vọi...

Vợ hai Tâm thì đang vo gạo, chị Sáu thì làm cá, rửa rau dưới cầu. Con Sâm đang ngồi chơi với thằng Minh trên cái chõng tre, thằng Hoàng và thằng Tri thì bẻ bông bên hè. Sáu Đinh nằm trên võng đưa cọt-két, tay cặp đùi thuốc gò, mắt chăm chỉ nhìn vào mấy lẵng khói đang vơ vẩn trên không...

III

Vàng trắng vắng-vác, sao tỏ trời trong, cảnh đêm khuya thật rất toại lòng, người ngắm cảnh cũng say mê vì cảnh... Lạ thật! Cứ sao đêm nay, canh gần tàn, vầng trăng đã chênh bóng mà sao... kia, bóng ai qua qua lại lại trước nhà sáu Đinh mãi thế?

Cái bóng kia là hai Tâm mà!

Đêm khuya thế ấy mà sao anh còn vơ vẩn ngoài hiên?

Chấp tay, sau lưng, đi tới đi lui, mặt găm xuống đất... Từ bề lặng lẽ, kia re re giọng dế, lúc nhặt lúc khoan hòa nhau như kêu như gọi; nào ai là kẻ phải chịu trăm đắng ngàn cay, thử ở vào cái cảnh này coi cảm lòng có đau cùng chăng?

Ồi! cái đêm nay là đêm gì mà buồn bã thế?

Ngắm cảnh lâu không chán, hai Tâm vừa xây lưng vô nhà thì bỗng nghe có tiếng la trong nhà... Tất tả chạy vô thì thấy một cái bóng đen từ trong nhà chạy ra rồi kể sáu Đinh chạy nối theo. Chận lại, hai Tâm hỏi:

— Việc gì đó, anh Sáu?

— Vợ anh bị thằng đó... nó chạy đó... nó giết rồi...

Hai Tâm chạy vô nhà thì thấy vợ mình nằm lăn lộn trên vũng máu đào, ngọn dao còn găm nơi ngực.

Ngoài đàng, tiếng tu hít thổi tiếng la, tiếng chạy rần rần rộ rộ. Trước ngọn đèn leo lét, hai Tâm lẳng xăng, mặt mày nhăn nhó, coi bộ bứt-rứt sợ hãi lắm... lòng anh đau đớn vô cùng — Có bót đến khám tử thi kẻ thấy một người lính dẫn tên sát nhơn kia vào, hai tay thúc ké, đến trước mặt ông có Cái quang cảnh êm-dềm tịch mịch khi nãy bỗng chốc hóa ra nhộn nhịp rộn ràng, kẻ tới người lui chẳng khác nào một buổi chợ đông.

(Còn nữa)

LA-Giỏi (Tôn Lết) Bai-Xâu



ĐÃ IN XONG

120 BÀI HỌC THUỘC LÒNG

ĐỀ DÙNG Ở LỚP DỰ BỊ VÀ ĐỒNG-ẤU CÁC TRƯỜNG SƠ-ĐẲNG PHÁP-VIỆT

120 morceaux de Récitation annamite

à l'usage des élèves des cours Préparatoires et Enfants des Écoles primaires

par TRẦN - LẬP - TRÁC Instituteur

Ngày 70 trang - GIÁ: 0\$25 - Cước thường 0\$06

Gửi cho nhà in Đông-Tây, 193, phố hàng Bông - Hanoi

Các ông giáo mua từ 10 quyển trở lên xin biểu một thêm quyển

10 bộ sách bán rất rẻ

Vì muốn bán cho hết nên những sách kê dưới đây bán thật rẻ:

ĐÀN BÀ ĐÔNG PHƯƠNG cả bộ 5 quyển của ông

Tùng Văn NGUYỄN-ĐÔNG-PHỤC trước bán 0\$55 nay bán 0\$15 Cước 0\$09

THẾ GIỚI DANH NHÂN, cả bộ 2 quyển của NGUYỄN-CÔNG 0.30 0.10 0.03

KHUÊ TÚ ANH TÀI của TRÚC KHÊ dịch 0.15 0.06 0.03

GÁI TRÁ THÙ NHÀ — — 0.18 0.08 0.03

SÁCH ĐOÁN MỘNG (có sách tự đoán lấy được) 0.35 0.12 0.09

CHUYỆN MIẾNG DA LỪA cả bộ 7 quyển 0.35 0.12 0.12

GUI - LI - VE DU KÝ 4 0.20 0.07 0.03

TÈ LÊ MẠC PHIÊU LƯU KÝ 10 0.50 0.13 0.12

GUIDE PRATIQUE D'EXERCICES PHYSIQUES

ET DE JEUX SCOLAIRES par NGUYỄN-QUI-TOẢN 0.50 0.20 0.09

NÔNG LÂM HÓA HỌC KỸ NGHỆ (rất có ích) 0.35 0.10 0.06

Thư và mandat gửi cho Đông-Tây ấn quán, 193 hàng Bông - Hanoi

Hướng đạo đoàn là gì?

Ai gây dựng nên Hướng

đạo đoàn?

Ở Hướng - đạo khác ở

trường thế nào?

Luật Hướng đạo ra sao?

Cách sắp đặt trong đoàn

thế nào?

Ai đã biết, muốn biết thêm.

Ai chưa biết, cần biết?



Thì nên đọc quyển

ĐOÀN HƯỚNG ĐẠO

Les Scouts
của BATO dịch

Dưới sách có phụ thêm một
bài thể thao để tập

Giá bán 0\$12 - Cước 0\$03

Bán tại Đông-Tây Ấn quán

193, phố hàng Bông - Hanoi

(gửi bằng timbres postes) cũng được